

BIỂU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 09/4/2026 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2026	So sánh (%)
I	Tổng số thu	222,477	105,928	48%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	6,551	1,282	20%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	99,078	19,732	20%
3	Thu bổ sung	116,848	35,971	31%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	113,848	28,461	25%
	- Bổ sung có mục tiêu	3,000	7,510	250%
4	Thu chuyển nguồn		48,943	
II	Tổng số chi	222,477	35,352	16%
1	Chi đầu tư phát triển	54,280	2,800	5%
2	Chi thường xuyên	163,697	32,552	20%
3	Dự phòng	4,500		0%

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 09/4/2026 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao 2026		Dự toán phường giao 2026		Thực hiện quý 1 năm 2026		So sánh%	
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2
	Tổng số thu ngân sách địa phương	326,539	222,477	326,539	222,477	115,859	105,928	35%	48%
	Thu nội địa (I+II)	326,539	105,629	326,539	105,629	30,945	21,014	9%	20%
	Thu nội địa (trừ thu tiền đất)	77,539	61,769	77,539	61,769	24,544	18,838	32%	30%
I	Các khoản thu 100%	20,850	6,551	20,850	6,551	5,928	1,282	28%	20%
1	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	780	780	780	780			0%	0%
2	Thu khác	1,890	190	1,890	190	450	186	24%	98%
3	Lệ phí trước bạ	14,730	3,140	14,730	3,140	4,788	485	33%	15%
4	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	2,050	2,141	2,050	2,141	394	394	19%	18%
5	Phí, lệ phí	1,400	300	1,400	300	296	217	21%	72%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	305,689	99,078	305,689	99,078	25,017	19,732	8%	20%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	189		189	-	88	88	47%	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	38,900	37,955	38,900	37,955	14,808	14,801	38%	39%
3	Thuế thu nhập cá nhân	14,170	13,680	14,170	13,680	2,815	2,282	20%	17%
4	Thu tiền sử dụng đất	249,000	43,860	249,000	43,860	6,401	2,176	3%	5%
5	Thu tiền thuê đất, mặt nước	3,430	3,583	3,430	3,583	905	385	26%	11%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			-	-	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn			-	-	48,943	48,943		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			-	-	-	-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	116,848	-	116,848	35,971	35,971		
1	Bổ sung cân đối ngân sách		113,848		113,848	28,461	28,461		
2	Bổ sung có mục tiêu		3,000		3,000	7,510	7,510		

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 09/4/2026 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO 2026	DỰ TOÁN PHƯỜNG GIAO 2026	THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2026	SO SÁNH %
A	B	1	2	3	4=3/2
	TỔNG CHI (A+B)	222,477	222,477	35,352	16%
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	219,477	219,477	35,352	16%
I	Chi đầu tư phát triển	54,280	54,280	2,800	5%
II	Chi thường xuyên	160,697	160,697	32,552	20%
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	89,147	89,147	18,011	20%
2	Chi sự nghiệp khoa học, ĐMST và chuyển đổi số	700	700		0%
3	Chi sự nghiệp môi trường	70,850	5,523	874	16%
4	Chi bảo đảm xã hội		17,866	3,277	18%
5	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính NN, Đảng, Đoàn thể		31,343	8,292	26%
6	Chi Quốc phòng		1,215	319	26%
7	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội		1,965	309	16%
8	Chi sự nghiệp kinh tế		6,622	637	10%
9	Chi sự nghiệp y tế		4,357	688	16%
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		135		0%
11	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		655	55	8%
12	Chi sự nghiệp phát thanh		370		0%
13	Chi thường xuyên khác		799	90	11%
III	Dự phòng ngân sách	4,500	4,500		0%
B	Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh	3,000	3,000	-	0%
1	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi số	2,000	2,000		0%
2	Kinh phí hỗ trợ chính lý hồ sơ	1,000	1,000		0%